

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Tên chương trình	: Kế toán
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Kế toán
Tên Tiếng Anh	: Accounting
Loại hình đào tạo	: Liên thông Chính quy – hệ tín chỉ
Mã số	: D340301

(Ban hành kèm theo Quyết định số...555.../QĐ – ĐT, ngày...24...tháng...11...năm 2014
của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Kiến thức

- Sinh viên tốt nghiệp có đầy đủ các kiến thức thực tế thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán như: Các nguyên tắc kế toán, hệ thống các văn bản pháp luật kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính; Ngoài ra còn được cung cấp các kiến thức thuộc khối kinh tế: quản trị, tài chính, ngân hàng để bổ sung cho thực hành công tác kế toán, kiểm toán.
- Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự nghiên cứu, cập nhật các kiến thức chuyên ngành, có khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh, có thể sử dụng tiếng Anh trong công việc học tập và nghiên cứu
- Kiến thức bổ trợ: Ngoại ngữ trình độ B; Tin học trình độ B; Kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo.

1.2. Kỹ năng

- Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. Có khả năng tổ chức, thiết lập, triển khai, thực hiện công tác kế toán trong các doanh nghiệp;
- Thành thạo trong việc thu thập, xử lý, kiểm tra và đối chiếu dữ liệu, lập chứng từ, ghi sổ kế toán, lập và phân tích Báo cáo tài chính;
- Sử dụng thành thạo một phần mềm kế toán thông dụng;
- Biết thu thập và xử lý dữ liệu phục vụ cho việc lập và phân tích các báo cáo kế toán quản trị, biết ứng dụng các mô hình trong kế toán quản trị vào công việc thực tế;
- Biết lập và kê khai các báo cáo thuế hàng tháng và quyết toán thuế năm, sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ khai thuế, quy trình khai thuế đang áp dụng.

1.3. Thái độ

- Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp;
- Ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân, làm việc theo nhóm và làm việc độc lập;
- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

1.3. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí, khả năng làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp

Đảm nhận các công việc với các chức danh và mô tả công việc của kế toán viên, kế toán tổng hợp, trợ lý kiểm toán, kiểm toán nội bộ, phân tích tài chính ...trong các doanh nghiệp và tổ chức phi lợi nhuận khác.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 1.5 năm.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 65 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 1.5 năm với 5 kỳ, trong đó 4 học kỳ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng tại cơ sở đào tạo, 01 kỳ làm khóa luận hoặc học các học phần thay thế.
- Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng theo Theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15 tháng 08 năm 2007, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tư 57/2012/TT-BGD&ĐT, ngày 27 tháng 12 năm 2012, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 388/QĐ – NTT ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Hiệu trưởng trường đại học Nguyễn Tất Thành.

6. THANG ĐIỂM

- Thang điểm 10
- Điểm học phần làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:
 - a. Loại đạt:
 - A – (8,5 -> 10) : GIỎI.
 - B – (7,0 -> 8,4) : KHÁ
 - C – (5,5 -> 6,9) : TRUNG BÌNH
 - D – (4,0 -> 5,4) : TRUNG BÌNH YẾU.
 - b. Loại không đạt:
 - F – (dưới 4,0) : KÉM.

- Tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần phải được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):
- A tương ứng với 4.
 - B tương ứng với 3.
 - C tương ứng với 2.
 - D tương ứng với 1.
 - F tương ứng với 0.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 16 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Ngoại ngữ: 12 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070411	TOEIC 3	3	30	30	
2	070412	TOEIC 4	3	30	30	070411(a)
3	001799	TOEIC 5	3	30	30	070412(a)
4	071104	TOEIC 6	3	30	30	001799(a)
		Tổng	12	120	120	

7.1.2. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 4 tín chỉ

7.1.2.1. Kiến thức bắt buộc: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
5	070406	Tin học văn phòng 2	2	30	0	
		Tổng	2	30	0	

7.1.2.2. Kiến thức tự chọn: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
6	071340	Qui hoạch tuyến tính	2	30	0	
7	070182	Phương pháp tính	2	30	0	

7.1.3. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
8	000590	Giáo dục thể chất	1	15	15	
		Tổng	1	15	15	

7.1.4. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
9	000586	Giáo dục quốc phòng	1	7	23	
		Tổng	1	7	23	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 49 tín chỉ**7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 10 tín chỉ****7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 7 tín chỉ**

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
10	000841	Kinh tế vĩ mô	3	45	0	
11	072308	Lý thuyết tài chính tiền tệ 2	2	30	0	
12	072316	Thương mại điện tử	2	30	0	
		Tổng	7	105	0	

7.2.2.2. Kiến thức tự chọn: 3 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
13	070379	Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại	3	45	0	
14	070398	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	45	0	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 27 tín chỉ**7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 25 tín chỉ**

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
15	072313	Kế toán tài chính 4	4	60	0	
16	072315	Kế toán tài chính 5	3	45	0	
17	071601	Kế toán chi phí	3	45	0	
18	071612	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 3	2	30	0	
19	072318	Kế toán tài chính 6	3	45	0	
20	071604	Hệ thống thông tin kế toán	4	60	0	
21	071615	Kiểm toán báo cáo tài chính	4	60	0	
22	071617	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 4	2	30	0	
		Tổng	25	375	0	

7.2.2.1. Kiến thức tự chọn: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
23	071608	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2	30	0	
24	072317	Kế toán ngân hàng	2	30	0	

7.2.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế): 12 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
25	071619	Thực tập tốt nghiệp	5	75	0	

26	071618	Khóa luận tốt nghiệp	5	75	0	
Học phần bổ sung hoặc thay thế Khóa luận tốt nghiệp						
27	072319	Chuyên đề tốt nghiệp	3	45	0	
28	072320	Môn học bổ sung tốt nghiệp 1	2	30	0	
29	072321	Môn học bổ sung tốt nghiệp 2	2	30	0	
		Tổng	12	180	0	

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (b): học phần tiên quyết; (a): học phần trước; (c)|: học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN): Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện ràng buộc
Học kỳ 1				14	195	30	
Học phần bắt buộc				12	165	30	
1	000586	Giáo dục quốc phòng	0103000586	1	7	23	
2	000590	Giáo dục thể chất	0103000590	1	15	15	
3	000841	Kinh tế vĩ mô	0103000841	3	45	0	
4	070411	TOEIC3	0103070411	3	30	30	
5	072313	Kế toán tài chính 4	0103072313	4	60	0	
6	070406	Tin học văn phòng 2	0103070406	2	30	0	
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	070182	Phương pháp tính	0103070182	2	30	0	
2	071340	Qui hoạch tuyến tính	0103071340	2	30	0	
Học kỳ 2				13	180	30	
Học phần bắt buộc				10	135	30	
1	070412	TOEIC4	0103070412	3	30	30	070411(a)
2	072308	Lý thuyết tài c hính tiền tệ 2	0103072308	2	30	0	
3	072315	Kế toán tài chính 5	0103072315	3	45	0	
4	072316	Thương mại điện tử	0103072316	2	30	0	
Học phần tự chọn				3	45	0	
1	070379	Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại	0103070379	3	45	0	
2	070398	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	0103070398	3	45	0	
Học kỳ 3				13	180	30	
Học phần bắt buộc				11	150	30	
1	001799	TOEIC5	0103001799	3	30	30	070412(a)
2	071601	Kế toán chi phí	0103071601	3	45	0	
3	071612	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 3	0103071612	2	30	0	

4	072318	Kế toán tài chính 6	0103072318	3	45	0	
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	071608	Phân tích và đầu tư chứng khoán	0103071608	2	30	0	
2	072317	Kế toán ngân hàng	0103072317	2	30	0	
Học kỳ 4				13	180	30	
Học phần bắt buộc				13	180	30	
1	071104	TOEIC6	0103071104	3	30	30	001799(a)
2	071604	Hệ thống thông tin kế toán	0103071604	4	60	0	
3	071615	Kiểm toán báo cáo tài chính	0103071615	4	60	0	
4	071617	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 4	0103071617	2	30	0	
Học kỳ 5				12	180	0	
Học phần bắt buộc				5	75	0	
1	071619	Thực tập tốt nghiệp	0103071619	5	75	0	
Học phần tự chọn				7	105	0	
1	071618	Khóa luận tốt nghiệp	0103071618	5	75	0	
2	072319	Chuyên đề tốt nghiệp	0103072319	3	45	0	
3	072320	Môn học bổ sung tốt nghiệp 1	0103072320	2	30	0	
4	072321	Môn học bổ sung tốt nghiệp 2	0103072321	2	30	0	

9. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

TOEIC 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần TOEIC 3. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link Intro VDO (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC Start phần còn lại. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOIEC 3)

Nội dung: Học phần TOEIC 4. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 1 – 6) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 1). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 5: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOIEC 4)

Nội dung: Học phần TOEIC 5. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 2). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 6: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 5)

Nội dung: Học phần TOEIC 6. AVTT hoàn các kỹ năng với bài thi TOEIC chuẩn bị cho kỳ thi TOEIC theo yêu cầu đầu ra.

Giáo dục thể chất: 1 (15, 15, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng và thể thao quân sự bao gồm: Hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Giáo dục Quốc phòng: 1 (7, 23, 37)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDDT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần này chi tiết gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

Tin học văn phòng 2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giới thiệu về Cơ sở dữ liệu, làm việc trên Table, thiết kế CSDL theo mô hình quan hệ; Truy vấn thông tin trên CSDL; Thiết kế các loại Form; Thiết kế các loại Report; Sử dụng Macro; Đóng gói dữ liệu.

Phương pháp tính: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung chính gồm các phần sau : Số gần đúng và sai số. Nội suy bằng đa thức và phương pháp bình phương tối thiểu. Giải gần đúng nghiệm thực của phương trình. Tính gần đúng đạo hàm và tích phân. Giải gần đúng phương trình và hệ phương trình vi phân thường.

Qui hoạch tuyến tính: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung chính gồm các phần sau : Các khái niệm về bài toán quy hoạch tuyến tính (QHTT), các dạng của bài toán QHTT, phương pháp đơn hình giải bài toán QHTT. Bài toán QHTT chứa tham số ở hàm mục tiêu. Bài toán vận tải và các ứng dụng. Phương pháp sơ đồ mạng Per.

Kinh tế vĩ mô: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về: Khái quát về kinh tế vĩ mô, Cách tính sản lượng quốc gia, LT xác định sản lượng cân bằng quốc gia, Chính sách tài khóa và chính sách ngoại thương, Tiền tệ ngân hàng và chính sách tiền tệ, Mô hình IS-LM, Mô hình tổng cung tổng cầu, Lạm phát và thất nghiệp, Phân tích vĩ mô trong nền KT mở.

Kế toán tài chính 4: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nghiệp vụ chuyên sâu về kế toán tài sản, đầu tư và công nợ.

Lý thuyết tài chính tiền tệ 2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính tiền tệ cho sinh viên học trong khối ngành kinh tế để đáp ứng với xu hướng giáo dục hiện nay.

Kế toán tài chính 5: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức nghiệp vụ chuyên sâu về vốn, doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận.

Thương mại điện tử: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hoạt động thương mại và kinh doanh trực tuyến. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên có được kiến thức nền tảng về thương mại điện tử, cơ sở vận hành thương mại điện tử (mạng LAN/WAN), hiểu về mạng trong và ngoài công ty (Intranet/Extranet), mạng toàn cầu (Internet) và các dịch vụ đi kèm... Bên cạnh đó sinh viên sẽ được cung cấp những mô hình cơ bản thương mại trực tuyến, hành vi của người mua hàng trực tuyến, các hình thức PR, Marketing trực tuyến và thanh toán trực tuyến...

Nghiệp vụ ngân hàng thương mại: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động của NHTM và các hoạt động nghiệp vụ phổ biến của một ngân hàng thương mại bao gồm: nghiệp vụ huy động vốn, hoạt động tín dụng, nghiệp vụ cho vay khách hàng cá nhân, nghiệp vụ cho vay khách hàng doanh nghiệp, bao thanh toán, chiết khấu chứng từ có giá, kinh doanh ngoại hối...

Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ năng đánh giá, thẩm định dự án đầu tư nhằm mục đích phát hiện và ngăn chặn những dự án xấu, không bỏ sót các dự án tốt trong điều kiện giới hạn về nguồn lực. Môn học này sẽ giúp cho người học nhận diện được vai trò quan trọng của việc lập và thẩm định dự án đầu tư trong sự phát triển của doanh nghiệp nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế nói chung. Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về việc thiết lập và thẩm định dự án đầu tư, các phương pháp phân tích hiệu quả tài chính, phân tích kinh tế dự án đầu tư, các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế, thẩm định hiệu quả kinh tế,...củng cố thêm kiến thức cho sinh viên thông qua các bài tập thực hành về phân tích kinh tế dự án sản xuất.

Kế toán chi phí: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc tổ chức hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp theo các mô hình khác nhau, phục vụ cho việc hoạch định, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý. Ngoài ra còn cung cấp các nội dung về quản trị chi phí giúp cho các doanh nghiệp quản lý chi phí hiệu quả.

Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 3: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung của học phần này bao gồm những bài text với những chủ đề được miêu tả một cách chính xác nhất về các hoạt động trong kinh doanh quốc tế tại các công ty, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Nội dung của học phần này còn giúp sinh viên hiểu được thêm một số thuật ngữ trong kế toán như: Doanh thu, chi phí, lợi nhuận gộp...

Kế toán tài chính 6: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kỹ thuật chuẩn bị, trình bày và kiểm tra báo cáo tài chính. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên có được kiến thức về hệ thống báo cáo tài chính để có thể đọc, phân tích báo cáo tài chính.

Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 4: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Bao gồm những đề tài có liên quan đến các tình huống trong kinh doanh: như là hoạch định ngân sách cho chiến lược sản xuất sản phẩm của công ty; tính giá thành sản phẩm, ước tính chi phí khi tỷ giá thay đổi cho kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp... Mỗi bài có Case Study để sinh viên thảo luận nhóm và giúp sinh viên tự tin trong việc giao tiếp trong kinh doanh, làm tăng triển vọng nghề nghiệp của họ trong tương lai

Hệ thống thông tin kế toán: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản về các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp nói chung và hệ thống thông tin kế toán nói riêng. Môn học trình bày các nội dung của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, các chu trình kinh doanh chính và các nội dung

liên quan đến phân tích, lựa chọn, triển khai và vận hành hệ thống thông tin kế toán và các vấn đề về kỹ thuật, kiểm soát hệ thống có liên quan.

Kiểm toán báo cáo tài chính: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp nội dung chương trình kiểm toán mẫu 1 khoản mục trên Báo cáo tài chính và hướng dẫn một số chương trình kiểm toán các khoản mục điển hình về tài sản, công nợ, doanh thu, chi phí và vốn theo Chương trình kiểm toán mẫu do VACPA ban hành.

Phân tích và đầu tư chứng khoán: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản đến chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh và đầu tư chứng khoán, bao gồm các kỹ năng và phương pháp phân tích cơ bản, phân tích kỹ thuật và định giá chứng khoán.

Kế toán ngân hàng: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Trước tiên môn học cung cấp kiến thức khái quát về hệ thống ngân hàng của một quốc gia, mối liên hệ giữa các ngân hàng nằm trong hệ thống ngân hàng của một quốc gia nói chung. Trọng tâm của môn học sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản về công tác kế toán trong ngân hàng thương mại bao gồm hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán, làm nền tảng cho các phân hành kế toán các nghiệp vụ cụ thể.

Chuyên đề tốt nghiệp: 3 (45,0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Chuyên đề theo chuyên ngành về một đề tài cụ thể bao gồm: phần mở đầu, phần tổng quan, những nghiên cứu thực nghiệm hoặc lý thuyết, đánh giá phân tích các kết quả và đưa ra kết luận cũng như các kiến nghị cần thiết.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Ái Cẩm

**TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

ThS. Nguyễn Lan Phương

TRƯỞNG KHOA

TS. NGUYỄN ĐÌNH HÙNG